

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/7/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Thành và ông Nguyễn Ngọc Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 212/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; nơi ĐKTT: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; địa chỉ: Thôn M, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2021, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T (chị T) trình bày: Chị và anh Trần Văn L (anh L) tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X ngày 23/5/2012. Sau khi kết hôn chị bị bệnh sản khoa, thường xuyên khám chữa bệnh tại bệnh viện Thành phố Hồ Chí Minh nhưng anh L không quan tâm, chăm sóc chị khi

chị bệnh, thường xuyên đánh chị, chửi mắng chị. Chị không chịu đựng được cuộc sống như vậy nên đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị tại thôn Mỹ Lương, xã Xuân Thọ 2, sống cùng cha mẹ ruột của chị từ khoảng tháng 4/2021 đến nay. Vợ chồng chị cũng đồng thời sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm, hỏi han nhau. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh L, không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh L, chị yêu cầu được ly hôn anh L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Duy T – sinh ngày 08/12/2012. Từ ngày vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung do anh L nuôi dưỡng. Ly hôn, chị giao con cho anh L nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Chị T giữ nguyên yêu cầu về ly hôn, con chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị T; giao con chung cho anh L nuôi dưỡng, chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật; chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét. Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh L có hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T, anh L có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S ngày 23/5/2012 đúng quy định tại Điều 8 và Điều

9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Xuất phát từ nguyên nhân sau khi kết hôn, chị bị căn bệnh về sản khoa, thường xuyên điều trị tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng chị không nhận được sự quan tâm, chia sẻ về tinh thần cũng như tài chính từ phía anh L. Vì anh L thường đánh chị, chửi mắng chị nên chị đã về nhà cha mẹ chị tại thôn Mỹ Lương, thị xã Sông Cầu từ khoảng tháng 4/2021 sống ly thân từ đó đến nay; vợ chồng không quan tâm, hỏi han nhau. Lời trình bày của chị T phù hợp với thông tin do chính quyền địa phương xã Xuân Thọ 2 cung cấp. Do đó thấy rằng mâu thuẫn của chị T, anh L không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh L.

[3] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Duy T– sinh ngày 08/12/2012. Theo thông tin do chính quyền địa phương xã Xuân Thọ 2 cung cấp, từ khi chị T và anh L sống ly thân, con chung do anh L nuôi dưỡng. Xét thấy yêu cầu của chị T giao con chung cho anh L nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là có cơ sở và phù hợp hoàn cảnh thực tế nên được chấp nhận. Theo đó, buộc chị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một tháng lương cơ sở, tức 1.490.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 7/2022 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không giải quyết.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Duy T– sinh ngày 08/12/2012. Giao cháu Trần Nguyễn Duy T cho anh Trần Văn L nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung 1.490.000đ/tháng (*Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 7/2022 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0003290 ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Chị T còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND xã Xuân Thọ 2 (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên